

Số: **43/2014/TT-BNNPTNT**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2014*

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ**

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

**Điều 2.** Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối thường xuyên cập nhật các sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản hàng năm trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm quy định tại Điều 1 Thông tư này.

**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ;
- Website: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, CB. (350)

**BỘ TRƯỞNG**



**Cao Đức Phát**

**DANH MỤC**

**SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN, SẢN PHẨM PHỤ TRỢ, SẢN PHẨM CƠ KHÍ ĐỂ BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19/12/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

<b>I</b>	<b>Sản phẩm nông lâm thủy sản</b>
1	<p>Sản phẩm trồng trọt bao gồm sản phẩm sơ chế, chế biến từ nguyên liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cây lương thực có hạt, cây có củ</li><li>- Cây rau, đậu và các loại hoa, màu</li><li>- Cây ăn quả</li><li>- Cây công nghiệp hàng năm (<i>mía, đậu tương, lạc, vừng, lá thuốc lá, bông, đay, cói, ...</i>)</li><li>- Cây công nghiệp lâu năm (<i>chè, cà phê, ca cao, cao su, điều, hồ tiêu, mắc ca...</i>)</li><li>- Cây dược liệu</li></ul> <p>Sản phẩm chăn nuôi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giống gia súc, gia cầm, ong, tằm (bao gồm trâu, bò, ngựa, dê, cừu, thỏ, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng, đà điểu, chim bồ câu, chim cút, ong, tằm)</li><li>- Các sản phẩm sơ chế, chế biến từ vật nuôi gia súc, trứng và gia cầm, ong, tằm và các loại vật nuôi trên cạn khác (đã được gây nuôi)</li></ul>
2	<p>Sản phẩm lâm sản bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sản phẩm gỗ được chế biến, lắp ráp bằng máy hoặc thủ công</li><li>- Gỗ nhân tạo (<i>MDF, ván sợi, dăm, ghép thanh</i>)</li><li>- Sản phẩm (viên củi nén, Biomass Wood Pellet, ...) được chế biến từ nguyên liệu gỗ rừng trồng, gỗ tận thu và phế, phụ phẩm lâm nghiệp (<i>cành cây rừng trồng, mùn cưa, gỗ vụn, ...</i>)</li><li>- Sản phẩm ngoài gỗ (<i>sản phẩm chế biến từ tre, song, mây, hời, quế thông</i>).</li><li>- Các sản phẩm làm nguyên liệu phụ trợ được sử dụng trong chế biến các sản phẩm lâm sản trên đây.</li></ul>
3	<p>Sản phẩm thủy sản bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thủy sản đông lạnh</li><li>- Thủy sản khô</li><li>- Đồ hộp thủy sản</li><li>- Bột cá, dầu cá</li><li>- Nước mắm và các dạng mắm</li><li>- Sản phẩm thủy sản ăn liền</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chế biến từ rong biển</li> <li>- Các sản phẩm chế biến từ nguyên liệu thủy sản sử dụng cho y tế, dược phẩm, mỹ phẩm và các loại thực phẩm thủy sản chức năng...</li> </ul>
4	<p>Sản phẩm muối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm muối dùng cho sản xuất công nghiệp</li> <li>- Các sản phẩm muối sạch, giàu vi lượng</li> <li>- Sản phẩm muối chế biến (<i>muối i ốt, muối tinh, muối xay, bột canh, bột gia vị, bột nêm, dùng cho công nghiệp thực phẩm...</i>)</li> <li>- Các sản phẩm muối dùng cho y tế, mỹ phẩm...</li> </ul>
5	Các sản phẩm chế biến từ phé, phụ phẩm trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông lâm thủy sản và muối.
<b>II</b>	<b>Sản phẩm phụ trợ</b>
1	Bao bì ( <i>làm từ giấy, kim loại, nhựa, thủy tinh,...</i> ) dùng trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, muối.
2	Keo dán, chất phủ bề mặt, chất làm bóng, chất phụ gia phục vụ chế biến lâm sản.
3	Nguyên liệu, dung môi, phụ gia và thuốc thành phẩm bảo quản lâm sản, hàng mỹ nghệ.
4	Các loại phụ kiện trong chế biến lâm sản (hardware): kim loại, cao su, nhựa.
5	Chất phụ gia dùng trong chế biến nông, thủy sản, muối.
6	Môi chất lạnh thân thiện môi trường dùng trong hệ thống lạnh chế biến nông, thủy sản.
7	Chế phẩm sinh học, chất phụ gia dùng làm tăng năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn sinh học trong sản xuất chăn nuôi, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi.
<b>III</b>	<b>Sản phẩm cơ khí</b>
1	<p>Máy và thiết bị phục vụ nông nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động cơ Diezen.</li> <li>- Máy kéo.</li> <li>- Máy làm đất các loại, máy đào hốc trồng cây lâu năm</li> <li>- Máy gieo cây lúa, đậu, đỗ, ngô</li> <li>- Máy chăm sóc (<i>phun thuốc BVTV, tưới, làm cỏ, xới</i>)</li> <li>- Máy thu hoạch (lúa, đậu, đỗ, ngô, cà phê, mía)</li> <li>- Máy sấy nông sản (<i>ngoài lúa đã có ở điều 14</i>)</li> <li>- Dây chuyền, thiết bị giết mổ gia súc, gia cầm</li> <li>+ Dây chuyền, thiết bị bảo quản, chế biến sữa.</li> <li>+ Dây chuyền, thiết bị phân loại, bảo quản trứng gia cầm.</li> <li>+ Thiết bị, hệ thống chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.</li> <li>+ Dây chuyền, thiết bị bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi, sơ chế nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.</li> <li>+ Thiết bị, vật tư phục vụ xử lý môi trường chăn nuôi.</li> </ul>

	- Máy, thiết bị chế tạo máy kéo, máy nông nghiệp
2	Máy và thiết bị phục vụ lâm nghiệp: - Máy chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ - Máy móc, thiết bị chế biến viên năng lượng từ mùn cưa, phế, phụ phẩm trong chế biến gỗ
3	Máy và thiết bị phục vụ thủy sản: - Máy, thiết bị làm lạnh, cấp đông - Hệ thống kho lạnh và tủ bảo quản, hầm lạnh - Máy móc, thiết bị sản xuất nước đá - Thiết bị hấp, sấy và thanh trùng làm mát - Dây chuyền thiết bị chế biến bột cá, dầu cá.
4	Máy, thiết bị sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp: máy băm rơm, rạ, cỏ, lá mía, bã mía, cây ngô; máy nén, đóng bánh cỏ, rơm, rạ; đóng gói ủ chua; máy ép củi trâu; máy chế biến viên năng lượng từ trâu, máy ép dầu thực vật ( <i>cám, lạc, dứa...</i> ); các loại máy, thiết bị xử lý phế và phụ phẩm sau chế biến thủy sản...
5	Máy, thiết bị sản xuất, chế biến muối: - Máy, thiết bị, vật tư sản xuất muối sạch - Dây chuyền, thiết bị chế biến muối tinh - Máy, thiết bị thu hoạch muối